

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Trụ sở chính: 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: 02543.838423 - 02543.838426

Fax: 02543.838422

Email: idicoconac@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **VŨ ANH TUẤN**

Số căn cước: 026073001551, ngày cấp 15/11/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ: 40/6/7 Lê Hồng Phong, F4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: di động: 0913755579; cơ quan: 02543.838423

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO thông báo về báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

(Đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2020)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS,
- Giám đốc Cty (b/c);
- VPTH, TCKT.

Vũng Tàu, ngày 13 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám-đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020 là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), được chia thành 8.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY,

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuyên Chiêu	Thành viên
Ông Trần Quang Duy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã Công bố thông tin về Bản án số 01/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2020 của Tòa Án Nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc tranh chấp hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng (cấp sơ thẩm). Theo Bản án, quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO (IDICO - CONAC) như sau:

- Tuyên hủy hợp đồng thuê đất số 04/2007/HĐTĐ ngày 31/10/2007 giữa IDICO-CONAC và Công ty Thiên Kim, giao lại toàn bộ diện tích đất thuê 165.442m² cho IDICO-CONAC.

- Yêu cầu Công ty TNHH May Thiên Kim trả tiền thuê đất, phí hạ tầng, lãi suất tính đến ngày 12/01/2021 là 12.144.537.000 đồng.

- Tuyên các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Công ty TNHH May Thiên Kim và Agribank Bình Thạnh, các hợp đồng thế chấp giữa Công ty Đá Tắm và Agribank Nam Hoa vô hiệu.

- Giao 05 nhà xưởng trên đất cho IDICO-CONAC và IDICO-CONAC có trách nhiệm trả cho 02 ngân hàng Agribank Bình Thạnh và Agribank Nam Hoa giá trị tài sản trên đất theo giá trị thẩm định của Tòa án với số tiền 29.596.416.900 đồng.

IDICO-CONAC đã thực hiện kháng cáo liên quan đến phán quyết về việc IDICO-CONAC không phải thanh toán số tiền 13.625.609.000 đồng cho Agribank Nam Hoa. Buộc Agribank Nam Hoa di dời toàn bộ 02 Nhà xưởng tại Lô B (diện tích 17.439,9 m²) theo sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lập ngày 27/10/2020 và bàn giao toàn bộ lô đất trống cho IDICO-CONAC tại bản án sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST nêu trên. Tòa án Nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã nhận đơn kháng cáo ngày 02/02/2021 và gửi Thông báo số 01/TB-TA ngày 26/02/2021 đến Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ và các bên liên quan.

Do đang trong quá trình tiến hành tố tụng, IDICO-CONAC chưa thể xác định và lượng hóa chính xác các quyền và nghĩa vụ của IDICO-CONAC để tiến hành ghi nhận Tài sản và Công nợ tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Lê Thanh Tùng

Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021

15/03/2021

Số: 85/2021/BCKT- CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO, được lập ngày 12/3/2021, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature, likely belonging to Vũ Xuân Hùng, written in a cursive style.

Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 06/2021/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

12/3/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		853.384.784.866	743.547.422.550
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.179.651.996	14.523.176.398
1. Tiền	111		12.179.651.996	14.523.176.398
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		700.676.000.000	610.886.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	690.000.000.000	600.210.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.017.937.960	69.169.325.195
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	37.181.276.950	22.116.573.454
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	25.588.332.074	21.198.032.149
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	31.761.001.695	27.367.392.351
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(1.512.672.759)	(1.512.672.759)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	47.158.503.750	47.417.590.515
1. Hàng tồn kho	141		47.158.503.750	47.417.590.515
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		352.691.160	1.551.330.442
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	85.319.905	157.435.615
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.349.402.605
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	267.371.255	44.492.222
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		452.687.049.712	488.775.471.035
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		395.237.700.393	402.259.896.688
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	128.607.910.974	130.466.067.325
- Nguyên giá	222		195.055.573.318	187.217.639.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.447.662.344)	(56.751.571.703)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	266.629.789.419	271.793.829.363
- Nguyên giá	228		315.733.699.824	315.733.699.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.103.910.405)	(43.939.870.461)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.538.477.497	40.131.067.768
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	52.538.477.497	40.131.067.768
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	3.750.000.000	45.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	45.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.750.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	840.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.160.871.822	544.506.579
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.160.871.822	544.506.579
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.306.071.834.578	1.232.322.893.585

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.190.968.964.558	1.132.103.464.690
I- Nợ ngắn hạn	310		121.142.963.480	100.790.936.482
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	15.017.346.143	10.519.663.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	46.432.561.451	36.994.358.722
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.687.298.353	4.112.037.892
4. Phải trả người lao động	314		1.642.449.097	877.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	182.045.424	900.660.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.21	28.193.843.057	25.809.031.366
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	17.539.414.673	16.847.949.834
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.448.005.282	4.730.235.639
II- Nợ dài hạn	330		1.069.826.001.078	1.031.312.528.208
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.21	1.068.196.714.163	1.029.007.289.751
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	737.700.000	487.700.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	891.586.915	1.817.538.457
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		115.102.870.020	100.219.428.895
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	115.102.870.020	100.219.428.895
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	50.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(50.000)	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	17.367.150.217
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.102.920.020	32.852.278.678
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.153.027.752	9.788.267.247
- LNST chưa phân phối kì này	421b		33.949.892.268	23.064.011.431
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.306.071.834.578	1.232.322.893.585

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Tùng

Đỗ Thị Quỳnh Nga

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	181.195.897.031	159.981.286.156
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	181.195.897.031	159.981.286.156
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	155.897.299.800	140.963.281.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.298.597.231	19.018.004.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	53.978.492.193	41.584.524.391
7. Chi phí tài chính	22	5.26	234.435.633	293.946.970
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>128.959.656</i>	<i>291.277.368</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.27	19.408.796.476	19.111.121.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		59.633.857.315	41.197.460.672
11. Thu nhập khác	31	5.28	2.091.042.451	1.131.747.914
12. Chi phí khác	32	5.28	107.000.000	1.047.614.008
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.984.042.451	84.133.906
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		61.617.899.766	41.281.594.578
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	11.668.017.498	8.217.583.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		49.949.882.268	33.064.011.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	8.174	5.800

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đỗ Thị Quỳnh Nga

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.617.899.766	41.281.594.578
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	15.030.130.585	12.761.405.968
- Các khoản dự phòng	03	(925.951.542)	(1.549.935.690)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.475.977)	2.669.602
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.732.518.661)	(39.933.494.181)
- Chi phí lãi vay	06	128.959.656	291.277.368
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	22.113.043.827	12.853.517.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.170.603.733)	18.015.728.457
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	259.086.765	(4.513.864.334)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.228.686.122	157.412.365.237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(544.249.533)	297.854.761
- Tiền lãi vay đã trả	14	(128.959.656)	(291.277.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	10.917.583.147	(7.211.298.605)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	352.240.000	30.890.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.450.921.500)	(1.835.164.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.575.905.439	174.758.751.793
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.415.344.019)	(13.570.872.061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	24.545.455	1.142.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(203.785.000.000)	(488.585.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	114.835.000.000	342.375.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(40.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	41.250.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.156.487.746	32.171.124.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.934.310.818)	(166.967.747.807)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	52.361.360.371	64.508.124.168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.361.360.371)	(65.558.784.168)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.990.595.000)	(7.612.762.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.990.595.000)	(8.663.422.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.349.000.379)	(872.418.514)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.523.176.398	15.398.264.514
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	5.475.977	(2.669.602)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	12.179.651.996	14.523.176.398

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thị Quỳnh Nga

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

10/03/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty IDICO”) theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 29/10/2020 là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), được chia thành 8.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INVESTMENT CONSTRUCTION OIL AND NATURAL GAS JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - CONAC.

Cổ phiếu Công ty hiện đang giao dịch tại sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: ICN.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động bình quân năm 2020 là: 115 người (năm 2019 là: 132 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đường bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020: Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc: Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 01 đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ, mã số chi nhánh
1	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO – CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Mã số chi nhánh: 3500101298 - 018

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	08 - 10
Tài sản khác	05 - 10

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nhượng bán ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

J.N
C
T
KIẾ
T
A
H

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Khoản thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập tính thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng, xây lắp, cho thuê Khu công nghiệp, dịch vụ khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.961.507.970	1.868.775.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.218.144.026	12.654.400.450
Tổng	12.179.651.996	14.523.176.398

01
NG
NH
KT
VIE
N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 (VND)			01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	10.676.000.000	14.786.260.000	-	10.676.000.000	11.850.360.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	10.676.000.000	14.786.260.000	-	10.676.000.000	11.850.360.000	-
Tổng	10.676.000.000	14.786.260.000	-	10.676.000.000	11.850.360.000	-

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia- Chi nhánh Hà Nội	8.000.000.000	8.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa	50.000.000.000	50.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Đồng Nai	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - Chi nhánh Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	5.210.000.000	5.210.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Vũng tàu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thủ dầu Một	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa	512.000.000.000	512.000.000.000	443.000.000.000	443.000.000.000
Tổng	690.000.000.000	690.000.000.000	600.210.000.000	600.210.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn	1.086.135.252	2.948.857.000
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	8.035.125.345	2.205.658.240
Công ty TNHH may Thiên Kim	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	10.712.667.895	3.576.135.252
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 12	4.090.076.900	-
Các đối tượng còn lại	2.719.527.958	2.848.179.362
Tổng	37.181.276.950	22.116.573.454

5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	21.532.935.504	18.563.510.759
Các đối tượng còn lại	4.055.396.570	2.634.521.390
Tổng	25.588.332.074	21.198.032.149

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Lãi dự thu các ngân hàng	25.707.004.502	-	26.121.619.042	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.067.600.000	-	-	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	211.600.000	-	211.600.000	-
Tạm ứng	346.756.100	-	56.873.751	-
Phải thu khác	4.428.041.093	(176.053.897)	977.299.558	(176.053.897)
Tổng	31.761.001.695	(176.053.897)	27.367.392.351	(176.053.897)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	102.384.934	-	102.384.934	-
Công ty Cổ phần thép Quatron	632.774.054	-	632.774.054	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	129.407.703	-	129.407.703	-
Các đối tượng còn lại	648.106.068	-	648.106.068	-
Tổng	1.512.672.759	-	1.512.672.759	-
<i>Trong đó:</i>				
	Dưới 6 tháng	Từ 1-2 năm	Từ 2-3 năm	Trên 3 năm
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	-	-	-	102.384.934
Công ty Cổ phần thép Quatron	-	-	-	632.774.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	-	-	-	129.407.703
Các đối tượng còn lại	-	-	-	648.106.068

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.533.164	-	18.836.533	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.086.786.084	-	47.366.575.536	-
Hàng hóa	63.184.502	-	32.178.446	-
Tổng	47.158.503.750	-	47.417.590.515	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	85.319.905	157.435.615
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	85.319.905	157.435.615
b) Dài hạn	1.160.871.822	544.506.579
Công cụ dụng cụ	822.253.536	416.691.652
Chi phí sửa chữa	303.055.536	104.334.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.562.750	23.480.489
Tổng	1.246.191.727	701.942.194

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	4.112.037.892	19.041.195.570	18.465.935.109	4.687.298.353
Thuế GTGT	496.407.914	6.555.122.237	6.699.680.799	351.849.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.217.583.147	11.668.017.498	10.917.583.147	3.968.017.498
Thuế thu nhập cá nhân	398.046.831	818.055.835	848.671.163	367.431.503
Phải thu	44.492.222	1.262.981.187	1.485.860.220	267.371.255
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.262.981.187	1.485.860.220	222.879.033
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.492.222	-	-	44.492.222



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	162.267.250.271	16.664.962.654	6.881.021.492	167.000.001	1.237.404.610	187.217.639.028
Tăng trong năm	7.545.379.744	431.200.000	-	31.354.546	-	8.007.934.290
Mua trong năm	7.545.379.744	431.200.000	-	31.354.546	-	8.007.934.290
Giảm trong năm	-	170.000.000	-	-	-	170.000.000
Do thanh lý	-	170.000.000	-	-	-	170.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	169.812.630.015	16.926.162.654	6.881.021.492	198.354.547	1.237.404.610	195.055.573.318
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	48.013.681.406	4.398.028.899	3.035.138.175	97.777.779	1.206.945.444	56.751.571.703
Tăng trong năm	7.816.235.893	1.274.164.216	722.559.397	22.671.969	30.459.166	9.866.090.641
Khấu hao trong năm	7.816.235.893	1.274.164.216	722.559.397	22.671.969	30.459.166	9.866.090.641
Giảm trong năm	-	170.000.000	-	-	-	170.000.000
Do thanh lý	-	170.000.000	-	-	-	170.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	55.829.917.299	5.502.193.115	3.757.697.572	120.449.748	1.237.404.610	66.447.662.344
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	114.253.568.865	12.266.933.755	3.845.883.317	69.222.222	30.459.166	130.466.067.325
Tại ngày 31/12/2020	113.982.712.716	11.423.969.539	3.123.323.920	77.904.799	-	128.607.910.974

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 17.875.109.546 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 16.204.376.667 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2020	51.344.488.700	226.997.454	264.162.213.670	315.733.699.824
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	51.344.488.700	226.997.454	264.162.213.670	315.733.699.824
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	86.176.241	43.853.694.220	43.939.870.461
Tăng trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Khấu hao trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	-	92.331.269	49.011.579.136	49.103.910.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	51.344.488.700	140.821.213	220.308.519.450	271.793.829.363
Tại ngày 31/12/2020	51.344.488.700	134.666.185	215.150.634.534	266.629.789.419

Tài sản cố định vô hình khác ghi nhận giá trị chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của công trình hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Chi mua sắm	-	2.859.369.345
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	52.538.477.497	37.271.698.423
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	13.741.878.207	13.267.257.392
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	17.036.679.505	16.586.679.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	627.552.472	127.679.745
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	292.909.091	292.909.091
Dự án Trạm Xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 6.500m ³ /ngày đêm	153.463.000	71.843.000
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	19.618.390.678	6.638.966.054
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	1.067.604.544	286.363.636
Tổng	52.538.477.497	40.131.067.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2020 (VND)		Tăng giảm trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Tăng	Giảm	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý
1. Đầu tư khác			375.000	3.750.000.000						
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ thừa IDICO - CONAC	2,50%	2,50%	375.000	3.750.000.000	(*)	-	41.250.000.000	4.500.000	45.000.000.000	(*)
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn										
Trái phiếu của ngân hàng BIDV			-	-			840.000.000	-	840.000.000	840.000.000
Tổng				3.750.000.000			42.090.000.000	4.500.000	45.840.000.000	840.000.000

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	2.858.987.879	2.858.987.879	516.681.094	516.681.094
Các đối tượng còn lại	10.384.591.932	10.384.591.932	8.229.215.603	8.229.215.603
Tổng	15.017.346.143	15.017.346.143	10.519.663.029	10.519.663.029
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.2)			627.527.082	627.527.082

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	31.629.893.839	24.776.653.839
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 9	5.234.239.697	4.684.237.540
Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	9.539.684.587	3.711.110.582
Các đối tượng còn lại	28.743.328	3.822.356.761
Tổng	46.432.561.451	36.994.358.722
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.2)	9.539.684.587	3.711.110.582

5.17 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	45.179.140.371	45.179.140.371	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vay thấu chi)	-	-	7.182.220.000	7.182.220.000	-	-
Tổng	-	-	52.361.360.371	52.361.360.371	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đường ĐT 818 khu công nghiệp Thủ Thừa	-	900.660.000
Công trình Trạm xử lý nước thải Khu nhà vườn Thủ Thừa	11.082.533	-
Công trình Đường và HTTN Khu tái định cư Thủ Thừa	50.962.891	-
Công trình nâng cấp mở rộng Đường Lã Xuân Oai	120.000.000	-
Tổng	182.045.424	900.660.000

5.19 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.539.414.673	16.847.949.834
Kinh phí công đoàn	77.673.576	102.880.843
Bảo hiểm xã hội	6.011.972	6.420.601
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	16.651.031.564	10.641.636.564
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Đại Dương	-	5.000.000.000
Ban bồi thường GPMB Huyện Tân Thành	-	745.166.667
Các khoản phải trả khác	718.697.561	121.745.659
b) Dài hạn	737.700.000	487.700.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	737.700.000	487.700.000
Tổng	18.277.114.673	17.335.649.834

(*) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-CT ngày 08/12/2020 và thông báo chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2020 số 01/TB-CT ngày 04/01/2021 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình Quốc Lộ 1 Long An	-	152.443.259
Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đỗ Xuân Hợp	-	187.557.156
Khu nhà ở xã hội 334 Nguyễn An Ninh	658.176.635	658.176.635
Đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải, đoạn 7 (Km15+	-	303.181.134
Gói thầu XL03-Hệ thống thoát nước QL1A	233.410.280	233.410.280
Xây dựng cầu qua đảo Kim Cương	-	282.769.993
Tổng	891.586.915	1.817.538.457

5.21 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
		(Trình bày lại)
a) Ngắn hạn	28.193.843.057	25.809.031.366
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	11.188.763.940	11.188.763.940
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	5.918.023.376	5.918.023.376
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	11.087.055.741	8.702.244.050
b) Dài hạn	1.068.196.714.163	1.029.007.289.751
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	455.451.531.425	466.640.295.365
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	241.366.988.105	247.285.011.481
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	371.378.194.633	315.081.982.905
Tổng	1.096.390.557.220	1.054.816.321.117

Doanh thu nhận trước liên quan đến các hợp đồng cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Doanh thu thuê đất hàng năm sẽ tính toán và ghi nhận vào doanh thu cho thuê trong năm theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở thời gian cho thuê đất trên hợp đồng. Thời gian khai thác của dự án kéo dài đến ngày 09/10/2062.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	-	14.117.079.575	25.022.408.531	89.139.488.106
Tăng trong năm	-	-	3.250.070.642	33.064.011.431	36.314.082.073
Lãi trong năm trước	-	-	-	33.064.011.431	33.064.011.431
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.250.070.642	-	3.250.070.642
Giảm trong năm	-	-	-	25.234.141.284	25.234.141.284
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.250.070.642	3.250.070.642
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.484.070.642	4.484.070.642
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2019	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	50.000.000.000	-	17.367.150.217	32.852.278.678	100.219.428.895
Số dư tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	-	17.367.150.217	32.852.278.678	100.219.428.895
Tăng trong năm	30.000.000.000	-	-	49.949.882.268	79.949.882.268
Lãi trong năm nay	-	-	-	49.949.882.268	49.949.882.268
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận để lại tái đầu tư	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Giảm trong năm	-	50.000	17.367.150.217	47.699.240.926	65.066.441.143
Do chuyển sang tăng vốn điều lệ (i)	-	-	17.367.150.217	12.632.849.783	30.000.000.000
Xử lý cổ phiếu lẻ khi tăng vốn điều lệ	-	50.000	-	-	50.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	3.306.401.143	3.306.401.143
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (ii)	-	-	-	760.000.000	760.000.000
Chia cổ tức năm 2019 (ii)	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (iii)	-	-	-	15.999.990.000	15.999.990.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	80.000.000.000	(50.000)	-	35.102.920.020	115.102.870.020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty thực hiện tăng Vốn điều lệ như sau: Từ nguồn quỹ đầu tư phát triển là 17.367.150.217 đồng, Lợi nhuận còn lại của năm 2018 là: 9.766.565.138 đồng và lợi nhuận còn lại năm 2019 sau khi phân đã phân phối là 2.866.284.645 đồng. Số cổ phiếu tăng thêm đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 13/10/2020, số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung là 3.000.000 cổ phiếu.

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

(iii) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-CT ngày 08/12/2020 và thông báo chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2020 số 01/TB-CT ngày 04/01/2021 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	51%	4.080.000	40.800.000.000	51%	2.550.000	25.500.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	49%	3.920.000	39.200.000.000	49%	2.450.000	24.500.000.000
Tổng	100%	8.000.000	80.000.000.000	100%	5.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.999.990.000	17.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.999.995	5.000.000
Cổ phiếu quỹ	5	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.995	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	7.999.995	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	17.367.150.217
Tổng	-	17.367.150.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	17.899.609.802	4.640.403.750
Doanh thu kinh doanh khu công nghiệp	51.875.956.257	41.193.418.025
Doanh thu hợp đồng xây dựng	111.420.330.972	114.147.464.381
Tổng	181.195.897.031	159.981.286.156

5.24 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	20.097.375.729	6.472.806.597
Giá vốn kinh doanh khu công nghiệp	28.973.530.223	24.679.582.094
Giá vốn hợp đồng xây dựng	106.826.393.848	109.810.892.984
Tổng	155.897.299.800	140.963.281.675

5.25 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.535.653.206	39.390.586.499
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	5.857.500.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.416.320.000	1.281.120.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	169.018.987	912.817.892
Tổng	53.978.492.193	41.584.524.391

5.26 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	128.959.656	291.277.368
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	100.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.475.977	2.669.602
Tổng	234.435.633	293.946.970

5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.672.185.219	11.346.172.869
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.967.608	439.573.347
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.272.813.274	2.214.069.120
Thuế phí và lệ phí	108.640.939	94.511.943
Chi phí dự phòng	-	(11.750.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.870.207	1.929.423.034
Chi phí bằng tiền khác	3.135.319.229	3.099.121.417
Tổng	19.408.796.476	19.111.121.230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.28 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23.045.455	191.215.195
Xử lý công nợ quá hạn	-	598.300.761
Hoàn nhập chi phí trích trước	788.724.269	320.413.777
Thu nhập khác	1.279.272.727	21.818.181
Tổng	2.091.042.451	1.131.747.914
Chi phí khác		
Các khoản phạt chậm nộp thuế	-	999.770.196
Chi phí khác	107.000.000	47.843.812
Tổng	107.000.000	1.047.614.008
Thu nhập khác thuần	1.984.042.451	84.133.906

5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.617.899.766	41.281.594.578
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	138.507.723	1.087.441.159
Chi phí không được trừ	138.507.723	1.087.441.159
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	3.416.320.000	1.281.120.000
Thu nhập từ nhận cổ tức	3.416.320.000	1.281.120.000
Thu nhập chịu thuế	58.340.087.489	41.087.915.737
Thu nhập từ hoạt động SXKD	43.896.228.389	28.511.028.457
Thu nhập từ hoạt động cho thuê hạ tầng KCN	14.443.859.100	12.576.887.280
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	11.668.017.498	8.217.583.147

5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.949.882.268	33.064.011.431
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Điều hành (i)	(4.994.988.227)	(4.066.401.143)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.954.894.041	28.997.610.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.499.999	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.174	5.800

5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 là 10% trên lợi nhuận sau thuế là 3.306.401.143 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành 2019 là 760.000.000 đồng. Giá trị phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 được ước tính dựa theo kế hoạch phân chia lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với tỷ lệ là 10% trên lợi nhuận sau thuế với giá trị là 4.994.988.227 đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2019:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Theo Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.064.011.431	33.064.011.431
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Điều hành	(3.306.401.143)	(4.066.401.143)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.757.610.288	28.997.610.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (ii)	5.952	5.800

(ii) Theo Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 10% là 3.306.401.143 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019 là 760.000.000 đồng. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 giảm từ 5.952 VND xuống 5.800 VND.

5.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.104.077.506	76.639.617.859
Chi phí nhân công	20.608.097.399	7.298.186.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.622.081.660	10.547.336.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.612.452.987	87.172.669.971
Chi phí khác bằng tiền	11.392.861.011	9.489.984.660
Tổng	186.339.570.563	191.147.796.167

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty cổ phần Phát triển KCN và Đô thị Thủ thừa IDICO – CONAC	Đầu tư khác	IDTT
15	Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	Liên quan khác	AHCV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị			866.485.228	842.248.582
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	220.500.000	148.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	78.500.000	54.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	567.485.228	640.248.582
Ban kiểm soát			552.804.655	507.831.146
Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	114.500.000	49.000.000
Ông Nguyễn Tuyên Chiêu	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	344.804.655	280.644.527
Ông Trần Quang Duy	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	93.500.000	178.186.619
Ban Giám đốc			2.914.217.666	3.067.312.684
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	622.846.307	628.065.528
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	603.354.371	658.842.864
Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	580.100.700	623.820.872
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc, Người CBTT	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	592.812.182	618.473.526
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	515.104.106	538.109.894
Tổng			4.333.507.549	4.417.392.412

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giao dịch mua		45.768.881.230	79.608.475.713
IDICO - LINCO	Mua vật tư	8.021.564.968	-
AHCV	Giá trị xây lắp	35.974.574.429	78.674.360.184
IDTT	Mua vật tư	1.772.741.833	934.115.529
Giao dịch bán		49.605.413.621	8.440.703.829
AHCV	Bán vật tư	15.619.579.716	578.591.098
IDTT	Cung cấp dịch vụ	126.650.909	214.928.182
	Thanh lý xe	-	383.636.364
	Giá trị xây lắp	33.570.639.825	6.983.959.386
	Các khoản khác	288.543.171	279.588.799
		15.660.000.000	8.925.000.000
Chia cổ tức			
IDICO	Cổ tức đã chia	7.500.000.000	3.825.000.000
	Tạm ứng cổ tức	8.160.000.000	5.100.000.000
Góp vốn			
IDTT	Góp vốn đầu tư	-	40.500.000.000
Cổ tức được nhận			
IDICO - IDI		1.067.600.000	1.281.120.000
		1.067.600.000	1.281.120.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	8.035.125.345	2.205.658.240
AHCV	8.035.125.345	2.205.658.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.532.935.504	18.563.510.759
AHCV	21.532.935.504	18.563.510.759
Phải thu khác ngắn hạn	4.215.956.721	-
IDICO - IDI	1.067.600.000	-
AHCV	3.148.356.721	-
Phải trả cho người bán	-	627.527.082
IDTT	-	627.527.082
Người mua trả tiền trước	9.539.684.587	3.711.110.582
IDTT	9.539.684.587	3.711.110.582
Phải trả ngắn hạn khác	8.160.000.000	10.100.000.000
IDICO	8.160.000.000	5.100.000.000
AHCV	-	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2019

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	24.291.666	281.433.221.845	120.802.383.177	402.259.896.688
Xây dựng cơ bản dở dang		13.753.143.773	26.377.923.995	40.131.067.768
Các khoản phải thu	27.752.219.828	15.498.699.954	25.918.405.413	69.169.325.195
Hàng tồn kho	47.191.084.627	175.490.909	51.014.979	47.417.590.515
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	673.345.013.419
Tổng tài sản				1.232.322.893.585
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	47.315.002.507	1.057.349.225.943	27.439.236.240	1.132.103.464.690
Tổng nợ phải trả				1.132.103.464.690

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	111.420.330.972	51.875.956.257	17.899.609.802	181.195.897.031
Giá vốn hàng bán	(106.826.393.848)	(28.973.530.223)	(20.097.375.729)	(155.897.299.800)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	(19.408.796.476)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	53.978.492.193
Chi phí tài chính	-	-	-	(234.435.633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	59.633.857.315
Lợi nhuận khác	-	-	-	1.984.042.451
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	61.617.899.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(11.668.017.498)
Lợi nhuận trong năm				49.949.882.268

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2020

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	330.200.713.918	65.036.986.475	395.237.700.393
Xây dựng cơ bản dở dang	-	15.590.498.223	36.947.979.274	52.538.477.497
Các khoản phải thu	49.800.455.284	11.873.549.656	31.343.933.020	93.017.937.960
Hàng tồn kho	46.977.104.266	109.681.818	71.717.666	47.158.503.750
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	718.119.214.978
Tổng tài sản				1.306.071.834.578
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	62.589.490.394	1.097.217.557.220	31.161.916.944	1.190.968.964.558
Tổng nợ phải trả				1.190.968.964.558

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng Kiểm toán INPACT. Một số khoản mục trên Báo cáo tài chính trình bày lại cho phù hợp với số trình bày kỳ này, cụ thể:

Tên đối tượng	Mã	Số trước trình bày lại ngày 01/01/2020	Số sau trình bày lại ngày 01/01/2020	Chênh lệch (VND)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	25.809.031.366	25.809.031.366
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.054.816.321.117	1.029.007.289.751	(25.809.031.366)
Tổng		1.054.816.321.117	1.054.816.321.117	-

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đỗ Thị Quỳnh Nga

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

